|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT CHUYÊN CAO BẰNG  **ĐỀ ĐỀ XUẤT**  *(Đề thi gồm 02 trang)* | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XVI, NĂM 2023**  **ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ 11**  *Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**Câu I. (*3,00 điểm*)**

1. Phân biệt gió thường xuyên, gió mùa và gió địa phương. Tại sao vào tháng VII, các khu áp cao và áp thấp trên bề mặt Trái Đất dịch chuyển về phía Bắc và vào tháng I thì dịch chuyển ngược lại?

2. Vì sao đất đen ở khu vực ôn đới lục địa nửa khô hạn có độ phì cao nhất trên thế giới?

**Câu II. (*2,00 điểm*)**

1. Giải thích sự khác nhau về đặc điểm phân bố của sản xuất nông nghiệp và sản xuất công nghiệp.

2. So sánh đặc điểm phân bố của công nghiệp chế biến lương thực và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu III. (*3,00 điểm*)**

1. Phân tích các nhân tố tác động đến thủy chế của sông Thu Bồn.

2. Chứng minh địa hình đồi núi nước ta rất đa dạng.

**Câu IV. (*3,00 điểm*)**

1.Bằng kiến thức địa lí, hãy giải thích hiện tượng được nhắc đến trong hai câu thơ sau:

*“*Trường Sơn, đông nắng, tây mưa

Ai chưa đến đó, như chưa rõ mình*”*

*(Nước non ngàn dặm – Tố Hữu)*

2. Nêu đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta. Vì sao mùa khô ở miền Nam diễn ra gay gắt hơn so với miền Bắc?

**Câu V. (*3,00 điểm*)**

1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư ở vùng Đông Nam Bộ.

2. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh Hà Nội là đô thị đặc biệt của nước ta.

**Câu VI. (*3,00 điểm*)**

1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích những thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta.

2. Chứng minh rằng ngành trồng cây công nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

**Câu VII. (*3,00 điểm*)**

SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1995 – 2013.

*(Đơn vị: Nghìn tấn).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2007** | **2010** | **2013** | **2022** |
| Tổng số | 1584.4 | 2250.9 | 4199.1 | 5142.7 | 6019.7 | 8740.3 |
| Khai thác | 1195.3 | 1660.9 | 2074.5 | 2414.4 | 2803.8 | 3580.1 |
| Nuôi trồng | 389.1 | 590.0 | 2124.6 | 2728.3 | 3215.9 | 5160.2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)*

1. Dựa vào bảng số liệu hãy nhận xét về những chuyển biến tích cực của ngành thuỷ sản nước ta giai đoạn trên và giải thích nguyên nhân.

2. Việc đẩy mạnh khai thác thuỷ sản trên vùng đặc quyền kinh tế của nước ta có ý nghĩa như thế nào?

**-------------- HẾT --------------**

* *Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam, NXB Giáo dục phát hành.*
* *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

***Người ra đề: Nguyễn Thị Thanh Huệ Liên hệ:0888516333***

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT CHUYÊN CAO BẰNG  LOGO CUA HOI DHBB  *(Hướng dẫn chấm gồm 8 trang)* | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XVI, NĂM 2023**  **HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM- ĐỊA LÍ 11**  **ĐỀ ĐỀ XUẤT** |

**A. Hướng dẫn chấm**

- Chấm theo biểu điểm đã được thống nhất của ban tổ chức.

- Nội dung có thang điểm lớn, giám khảo chia nhỏ tiếp tới 0,25 điểm và không làm tròn điểm toàn bài.

- Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh trả lời đúng, đủ ý và diễn đạt tốt.

- Thí sinh có cách diễn đạt khác so với đáp án, song vẫn đúng bản chất yêu cầu câu hỏi, vẫn cho đủ điểm ý đó

**B. Biểu điểm chấm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung chính cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu I** | 1 | **Phân biệt gió thường xuyên, gió mùa và gió địa phương.** | ***1,50*** |
|  | - Gió thường xuyên là gió thổi quanh năm trên Trái Đất. Có 3 loai gió thường xuyên: Tín phong, Tây ôn đới, Đông cực. Nguyên nhân là do sự chênh lệch khí áp giữa các đai áp cao và áp thấp thường xuyên trên Trái Đất.  - Gió mùa là loại gió thổi theo mùa, hướng gió hai mùa ngược nhau. Nguyên nhân chủ yếu do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa, từ đó dẫn đến sự thay đổi các vùng áp cao và áp thấp giữa lục địa và đại dương theo mùa.  Gió mùa thường có ở đới nóng và một số nơi vĩ độ trung bình ở phía Đông các lục địa Á - Âu, Phi, Bắc Mĩ.  - Gió địa phương là gió thổi trong phạm vi hẹp ở các địa phương, trong một mùa hoặc trong một ngày đêm. Có nhiều loại gió địa phương khác nhau như gió biển, gió đất, gió phơn…  **Tại sao vào tháng VII, các khu áp cao và áp thấp trên bề mặt Trái Đất dịch chuyển về phía Bắc và vào tháng I thì dịch chuyển ngược lại?**  - Các áp cao và áp thấp được hình thành trên Trái Đất do nguyên nhân nhiệt lực và động lực, nhưng suy cùng đều do nhiệt lực. Do vậy, các khu áp cao và áp thấp trên bề mặt Trái Đất luôn di chuyển theo chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.  - Vào tháng VII, Mặt Trời chuyển động biểu kiến về bán cầu Bắc; vào tháng I, Mặt Trời chuyển động biểu kiến xuống bán cầu Nam. Vì vậy các khu áp cao và áp thấp cũng chuyển động theo tương ứng. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***2*** | ***Vì sao đất đen ở khu vực ôn đới lục địa nửa khô hạn có độ phì cao nhất trên thế giới?*** | ***1,50*** |
|  | *Đất đen ở khu vực ôn đới lục địa nửa khô hạn có độ phì cao nhất trên thế giới vì:*  *­*- Độ phì của bất kì loại đất nào đều chịu ảnh hưởng bởi 2 nhóm nhân tố chính là nhiệt ẩm và sinh vật.  + Nhiệt ẩm tác động đến sự hình thành đất thông qua các quá trình phong hóa vật lí hay hóa học, đồng thời tác động gián tiếp thông qua sinh vật.  + Sinh vật cung cấp vật chất hữu cơ cho đất và phân giải tổng hợp chất hữu cơ đó.  - Khu vực ôn đới lục địa nửa khô hạn có đặc điểm:  + Chế độ nhiệt ẩm đều rất thấp nên quá trình phong hóa diễn ra rất yếu. Sinh vật đặc trưng là các loài thực vật thân thảo nên nguồn vật chất hữu cơ cho đất không nhiều.  + Tuy nhiên, chế độ nhiệt ẩm lại phân hóa đều trong năm, nên hầu như quá trình rửa trôi không diễn ra, do đó mùn được tích tụ qua nhiều năm, hình thành loại đất đen (đất secnodiom) là loại đất có độ phì cao nhất thế giới. | 0,50  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu II**  **Câu III** | ***1*** | **Giải thích sự khác nhau về đặc điểm phân bố của sản xuất nông nghiệp và sản xuất công nghiệp.** | ***1,00*** |
|  | * Nông nghiệp có tính phân tán trong không gian vì: Đất trồng là tư liệu sản xuất (TLSX) chủ yếu không thể thay thế được, đất phân bố phân tán trong không gian. Đối tượng lao động của SXNN là cây trồng và vật nuôi, chúng có những yêu cầu khác nhau về nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, đất đai… nên phân tán trong không gian để phù hợp với đặc điểm sinh thái của mỗi loại*…*   - Công nghiệp có tính tập trung cao độ (trừ CN khai thác khoáng sản, lâm nghiệp) vì: TLSX của công nghiệp là máy móc, thiết bị…, trên một diện tích nhất định có thể tập trung cao độ về TLSX, xây dựng nhiều xí nghiệp, tập trung nhiều lao động, tạo ra khối lượng lớn sản phẩm… SXCN gồm 2 giai đoạn, trong mỗi giai đoạn gồm nhiều công đoạn phức tạp, phân công tỉ mỉ, nên phân bố tập trung để phối hợp, kết hợp các quá trình sản xuất đem lại hiệu quả cao*…* | 0,50  0,50 |
| ***2*** | **So sánh đặc điểm phân bố của công nghiệp chế biến lương thực và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.** | ***1,00*** |
|  | - Giống nhau: Phân bố rộng rãi ở các nơi, cả nước phát triển và đang phát triển.  - Khác nhau:  + Công nghiệp chế biến thực phẩm: Phân bố rộng hơn gắn với vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.  Ngành có nguồn nguyên liệu khó bảo quản (xay xát, mía đường, thủy sản…) thì phân bố gần vùng nguyên liệu.  Ngành nguyên liệu dễ vận chuyển, dễ bảo quản thì phân bố gắn với thị trường tiêu thụ (rượu bia, nước ngọt…).  + Ngành sản xuất hàng tiêu dùng phân bố hẹp hơn chủ yếu gắn với thị trường tiêu thụ do nguyên liệu dễ vận chuyển và bảo quản, nhu cầu tiêu dùng lớn và thường xuyên nên phải gắn với thị trường để đáp ứng nhu cầu kịp thời. | 0,25 |
| 0,50 |
|  |
| 0,25 |
| ***1*** | **Phân tích các nhân tố tác động đến thủy chế của sông Thu Bồn.** | ***1,50*** |
|  | **\* Sông Thu Bồn là hệ thống sông lớn ở nước ta, thuộc miền thủy văn trung bộ**.  **\* Chế độ nước sông Thu Bồn thất thường do phụ thuộc vào nhiều nhân tố: Địa chất, độ dốc,phụ lưu, khí hậu, thực vật**..  **- Địa chất**:  + Thượng lưu chảy trên miền địa hình khó thấm nước => nước sông lên nhanh, rút nhanh.  + Hạ lưu chảy trên miền địa chất dễ thấm nước => nước sông lên xuống chậm.  -**Độ dốc địa hình:**  + Sông bắt nguồn từ cao nguyên Kon-Tum ( 500 -1000 m), chảy theo hướng Nam –Bắc , rồi hạ thấp độ cao chảy theo hướng Tây – Đông , do sông ngắn chảy thẳng nên độ dốc lớn, nước chảy nhanh.  -**Đặc điểm lưu vực:**  + Diện tích lưu vực hẹp,chỉ có phần nhỏ ở bắc Tây Nguyên và DHNTB, sông có ít nhánh.  -**Khí hậu**:  + Nằm trong vùng khí hậu đông Trường Sơn  +Thượng nguồn có mưa vào mùa hạ  + Hạ lưu có mưa vào mùa đông nên lũ vào thu đông  +Ngoài ra còn có lũ tiểu mãn do mưa dông đầu hạ cùng với mưa ở thượng nguồn  -**Thực vật**: Rừng đầu nguồn còn khá nhiều nên có vai trò điều tiết được lũ. | 0,25 |
|  |
| 0,25 |
|  |
| 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***2*** | **Chứng minh địa hình đồi núi nước ta rất đa dạng** | ***1,50*** |
|  | Miền núi nước ta có nhiều kiểu địa hình khác nhau về độ cao,độ dốc và hình dáng:  \* Độ cao  - Núi cao: Có độ cao tuyệt đối trên 2000 m núi cao trên 2000m chỉ chiếm khoảng 1% (d/c).  - Núi trung bình : Có độ cao từ 1000 – 2000 (d/c )  - Núi thấp: có độ cao từ 500 – 1000 m . địa hình đồi núi thấp dưới 1000m chiếm khoảng 85% (d/c)  \* Độ dốc  - Sơn nguyên : (d/c) ; Cao nguyên (d/c)  - Đồi: Đồi trung du nằm ở rìa phía Bắc, phía Tây đồng bằng sông Hồng thu hiệp dì ở đồng bằng ven biển miền Trung, phần lớn là thêm phù sa cổ bị chia cắt bởi tác động của dòng chảy.  (d/c)  - Bán bình nguyên: Có các bậc thêm phù sa cổ và bề mặt phủ ba gian (d/c)  \* Hình dáng  - Địa hình cacxtơ: (d/c)  - Thung lũng và lòng chảo miền núi: Điện Biên, Nghĩa Lộ, An Khê…. | 0,50  0,50  0,50 |
| **Câu IV** | 1 | **Bằng kiến thức địa lí, hãy giải thích hiện tượng được nhắc đến trong hai câu thơ** | ***1,50*** |
|  | - Hai câu thơ nhắc đến sự phân hóa Đông – tây, sự đối lập mùa mưa (Trường sơn Đông - Ven biển Trung Bộ) và mùa khô (Trường Sơn Tây -Tây Nguyên) vào thời kì đầu mùa hạ.  - Đầu mùa hạ nước ta chịu ảnh hưởng của khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương di chuyển theo hướng Tây Nam vào nước ta gặp dãy Trường Sơn chắn gió, khối khí này gây mưa lớn cho sườn tây.  - Khi vượt qua dãy Trường Sơn, khối khí trở nên khô, nóng, gây hiệu ứng phơn ở sườn đông. | 0,5  0,25  0,5  0,25 |
| ***2*** | **Nêu đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta. Vì sao mùa khô ở miền Nam diễn ra gay gắt hay so với miền Bắc?** | ***1,50*** |
|  | **Nêu đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta.**  - Giới hạn: từ 16o Bắc trở ra.  - Đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.  - Nhiệt độ trung bình năm từ 22-24oC. Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên miền Bắc có mùa đông với 3 tháng lạnh (nhiệt độ dưới 18oC) thể hiện rõ ở đồng bằng Bắc Bộ và vùng núi phía Bắc.  - Về phía Nam, gió mùa Đông Bắc yếu dần, từ dãy Hoành Sơn (18o Bắc trở vào) không có mùa đông rõ rệt.  **Vì sao mùa khô ở miền Nam diễn ra gay gắt hay so với miền Bắc?**  - Mùa khô ở miền Bắc và miền Nam vào khoảng tháng 11 - 4. Thời kì này miền Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. Mặc dù có tính chất lạnh khô nhưng cuối mùa đông gió này thổi qua biển trước khi vào nước ta nên gây mưa phùn, trong khi nhiệt độ thấp nên lượng bốc hơi thấp nên mùa khô bớt gay gắt.  - Trong khi đó miền Nam không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc thống trị với tính chất nóng khô, nên lượng mưa rất thấp, kết hợp với lượng bốc hơi lớn do nhiệt độ cao nên mùa khô trở nên gay gắt. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu V** | ***1*** | **Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư ở vùng Đông Nam Bộ**. | ***2,00*** |
|  | Nhận xét:  - Mật độ dân số cao so với cả nước và các vùng khác: cao hơn mức trung bình của cả nước, chỉ đứng sau Đồng bằng sông Hồng (Dẫn chứng).  - Phân bố không đều theo lãnh thổ :  + Trong toàn vùng : phía bắc có mật độ dân số thấp, phía nam có mật độ dân số cao (Dẫn chứng).  + Trong từng tỉnh : không đều giữa phía bắc và nam của Tây Ninh, giữa phía đông và tây của Đồng Nai, Bình Phước,….(Dẫn chứng).  - Phân bố không đều giữa thành thị và nông thôn : các đô thị có mật độ dân số rất cao (dẫn chứng), ở nông thôn, mật độ dân số thấp (Dẫn chứng).  Giải thích:  - Mật độ dân số cao do có nhiều thuận lợi về vị trí địa lí (Dẫn chứng) ; tự nhiên (địa hình, đất, nguồn nước, khoáng sản,…) ; kinh tế - xã hội (trình độ phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng, chính sách phát triển, thu hút đầu tư,…).  - Các nhân tố tác động đến phân bố dân cư (vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội) không giống nhau trong vùng cũng như trong từng tỉnh.  + Phía bắc của vùng có vị trí địa lí hạn chế hơn, địa hình cao hơn, sản xuất chủ yếu là nông, lâm nghiệp, sản xuất công nghiệp và dịch vụ còn hạn chế. Phía nam có vị trí địa lí thuận lợi hơn, địa hình thấp và bằng phẳng hơn, sản xuất công nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh, cơ sở hạ tầng phát triển.  + Trong mỗi tỉnh : lấy ví dụ một tỉnh, chẳng hạn Tây Ninh : phía bắc ở xa các trung tâm của vùng, xa trục đường giao thông lớn, địa hình bị chia cắt, nguồn nước hạn chế, chủ yếu trồng cây công nghiệp lâu năm…. ; phía nam gần với trục đường giao thông, gần các đô thị lớn của vùng, công nghiệp phát triển,…  - Các đô thị là nơi tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ, trình độ phát triển cao hơn. Nông thôn chủ yếu phát triển cây công nghiệp,…. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***2*** | **Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh Hà Nội là đô thị đặc biệt của nước ta.** | ***1,00*** |
|  | - Đô thị đông dân thứ 2, mật độ dân số cao nhất cả nước (dẫn chứng).  - Tỉ lệ lao động phi nông nghiệp trong tổng số lao động cao do nền kinh tế dựa chủ yếu vào công nghiệp và dịch vụ (dẫn chứng cơ cấu GDP).  - Cơ sở hạ tầng vào loại tốt nhất, là đầu mối giao thông lớn (dẫn chứng)  - Chức năng là thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật (diễn giải) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu VI** | ***1*** | **Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích những thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta.** | ***1,50*** |
| *\* Thuận lợi:*  - Cơ sở thức ăn: có ý nghĩa hàng đầu, được đảm bảo ngày càng tốt hơn:  + Đồng cỏ tự nhiên: có diện tích tương đối lớn, phân bố tập trung trên các cao nguyên (dẫn chứng), khí hậu nóng ẩm nên đồng cỏ phát triển nhanh; là cơ sở để phát triển chăn nuôi gia sức ăn cỏ như trâu, bò, dê, ngựa…  + Hoa màu lương thực, phụ phẩm của ngành thủy sản: là nguồn thức ăn chủ yếu, nhờ giải quyết tốt vấn đề lương thực cho người nên phần lớn hoa màu được làm thức ăn chăn nuôi; diện tích đất trồng hoa màu khá ổn định, tạo ra sản lượng hoa màu lớn, cung cấp thức ăn thường xuyên cho chăn nuôi, đặc biệt là lợn và gia cầm… Ngoài ra có khoảng 13 – 14 nghìn tấn bột cá bổ sung thức ăn chất lượng cao cho chăn nuôi.  + Thức ăn tổng hợp do ngành công nghiệp chế biến sản xuất tạo điều kiện cho phát triển hình thức chăn nuôi công nghiệp.  - Giống gia súc, gia cầm: có nhiều giống gia súc, gia cầm chất lượng tốt như trâu Tuyên Quang, bò Thanh Hóa, lợn Móng Cái, gà Mía… Nhiều giống nhập ngoại cho năng suất cao như bò sữa Cu Ba, Hà Lan; bò thịt Thụy Sĩ; trâu sữa Mura… Đàn gia cần được cải tạo nhiều.  - Cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ chăn nuôi: hệ thống chuồng trại, xí nghiệp được xây dựng, mạng lưới xí nghiệp chế biến rộng khắp cả nước; dịch vụ thú y, cung ứng vật tư chăn nuôi được mở rộng…  - Nhân tố khác: Thị trường rộng lớn cả trong nước và xuất khẩu; dân cư đông, lao động giàu kinh nghiệm; chính sách khuyến nông…  *\* Khó khăn:*  - Về tự nhiên: đồng cỏ phân tán, nhiều cỏ tạp; mùa khô ở các tỉnh phía nam thiếu nước, đồng cỏ khó phát triển; môi trường nhiệt đới ẩm dễ sinh dịch bệnh…  - Về kinh tế - xã hội: hình thức chăn nuôi còn lạc hậu, theo lối quảng canh, năng suất thấp; giống gia súc năng suất chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường; công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và công tác dịch vụ thú ý còn hạn chế dẫn đến nhiều dịch bệnh phát triển. | 0,50  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2. Chứng minh rằng ngành trồng cây công nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.**  - Nêu đặc điểm của nền nông nghiệp hàng hóa: SX nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường (trao đổi hàng hóa trong nước và xuất khẩu); SX trên quy mô lớn mang tính chuyên môn hóa rõ rệt; mang lại hiệu quả cao trên cơ sở ứng dụng KH-KT, gắn với CN chế biến…  - Vai trò của cây CN ngày càng cao trong cơ cấu cây trồng (tỉ trọng GTSX cây CN trong tổng GTSX ngành trồng trọt tăng: d/c). Diện tích cây CN tăng lên từ năm 2000 – 2007 (d/c)  - Cơ cấu cây CN đa dạng: cả cây cận nhiệt và nhiệt đới, cả cây lâu năm và hàng năm (d/c), đáp ứng nhu cầu cả trong và ngoài nước.  - Chuyển dịch cơ cấu diện tích cây CN theo hướng tăng tỉ trọng của nhóm cây CN lâu năm có hiệu quả cao hơn (d/c tỉ trọng DT cây CN lâu năm 2000 & 2007).  - Phát triển các hình thức SX có hiệu quả và ứng dụng KH-KT, mang lại hiệu quả cao và gắn với CN chế biến: hình thành các vùng chuyên canh cây CN quy mô lớn với hướng chuyên môn hóa rõ rệt (d/c 3 vùng chuyên canh cây CN với các sản phẩm chuyên môn hóa ở mỗi vùng). Phát triển các trang trại trồng cây CN ở nhiều nơi.  - Nhiều sản phẩm cây CN có giá trị xuất khẩu cao như: cà phê, cao su, điều, hồ tiêu… | 1,50  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu VII** |  | **Cho bảng số liệu** | ***3,00*** |
|  | **\*Nhận xét**  - Giai đoạn 1995 – 2022 ngành thuỷ sản của nước ta có nhiều chuyển biến về tốc độ phát triển và cơ cấu.  - Sản lượng thuỷ sản tăng nhanh và tăng liên tục (dẫn chứng).  - Tốc độ gia tăng có sự khác nhau giữa các ngành (dẫn chứng).  - Cơ cấu ngành thuỷ sản chuyển dịch tích cực: giảm tỉ trọng đánh bắt, tăng tỉ trọng nuôi trồng (dẫn chứng)  **\*Giải thích:**  - Sản lượng thuỷ sản tăng nhanh do:  + Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng cao  + Cơ sở vật chất có nhiều tiến bộ (phương tiện đánh bắt, công nghiệp chế biến, cơ sở nuôi trồng…).  + Chính sách ưu tiên phát triển  + Tài nguyên thuỷ sản phong phú.  - Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng đánh bắt do nguồn lợi thuỷ sản tự nhiên đang bị suy giảm, trong khi đánh bắt xa bờ còn hạn chế. Nước ta đã đẩy mạnh nuôi trồng thuỷ sản, đặc biệt là nuôi tôm xuất khẩu.  - Sự chuyển dịch cơ cấu là do tốc độ tăng trưởng không đều giữa sản lượng nuôi trồng và đánh bắt.  **Ý nghĩa của việc đẩy mạnh khai thác thuỷ sản trên vùng đặc quyền kinh tế của nước ta**  - Phát triển kinh tế, tạo việc làm nâng cao thu nhập  - Khai thác hợp lí có hiệu quả tiềm năng thuỷ sản của vùng biển xa bờ.  - Khẳng định chủ quyền lãnh thổ, góp phần giữ vững an ninh vùng biển tổ quốc. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,50 |
| **TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI, 7 CÂU =** | | | **20,00** |

--------------------- HẾT -----------------------